

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi
con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Lành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải
2. Ông Võ Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa , tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Trọng T, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp Nhơn Xuyên, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An. (Có mặt)
2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Hằng N, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Nhơn Xuyên, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Trần Trọng T: Ông Trần Trọng T và bà Võ Thị Hằng N tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Đông, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An vào ngày 10/10/2011. Trong quá trình chung sống, ông T và bà N có 02 con

chung tên Trần Võ Phú Tân, sinh ngày 04/01/2012 và Trần Võ Duy Tân, sinh ngày 29/7/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên vợ chồng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và ly thân từ giữa năm 2019. Nay ông T nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, ông T không còn tình cảm với bà N nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông T yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông T yêu cầu nuôi dưỡng 02 con tên Trần Võ Phú Tân, sinh ngày 04/01/2012 và Trần Võ Duy Tân, sinh ngày 29/7/2017; Không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Hai con chung đang sống với ông T.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy đăng ký kết hôn; Giấy khai sinh con.

Bị đơn bà Võ Thị Hằng N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông T và bà N đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Đông, huyện Thanh Hóa vào năm 2011, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề con chung, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Bà N đang sinh sống tại xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hoá, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hoá theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân giữa ông T và bà N:

Ông T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ và hiện đã sống ly thân. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà N vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phải hỏi về yêu cầu ly hôn của ông T. Như vậy, bà N đã không còn tha thiết hàn gắn hôn nhân với ông T nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà N.

Về con chung: Ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung Trần Võ Phú Tân, sinh ngày 04/01/2012 và Trần Võ Duy Tân, sinh ngày 29/7/2017; Không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Hai con chung đang sống với ông T. Do bà N không có ý kiến gì về việc nuôi con và thực tế hiện nay hai con đang sống cùng ông T nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con của ông T được chấp nhận. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập.

[3] Về án phí: Ông Trần Trọng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Bà N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trọng T.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Trọng T được ly hôn với bà Võ Thị Hằng N.

2. Về con chung: Giao con Trần Võ Phú Tân, sinh ngày 04/01/2012 và Trần Võ Duy Tân, sinh ngày 29/7/2017 cho ông Trần Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng; Bà Võ Thị Hằng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Ông Trần Trọng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003362 ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa sang thi hành án phí. Ông T không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hoá;
- UBND xã Thủy Đông;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thúy Lành